

Bản án số: 135/2023/KDTM-ST

Ngày: 29-9-2023.

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Khắc Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Công Nhân.

2/ Bà Võ Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Hoàng Vân Anh là Thư ký của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST-KDTM ngày 13/6/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24/7/2023, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 233/2023/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: đường H, phường L, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Dương K và/hoặc ông Nguyễn Thành T; Địa chỉ: đường T, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Văn bản ủy quyền số 2598/2023/UQ-PGD ngày 24/4/2023. (Ông K có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH Phát triển xây dựng thương mại T.

Địa chỉ: đường S, phường H, Quận G, TP. Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn P, sinh năm 1973; Địa chỉ: Đường B, khu phố D, phường K, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Thương mại T (gọi tắt là Công ty T) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/21224 ngày 29/4/2021 với hạn mức cho vay: 500.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng; mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Thực hiện hợp đồng trên thì Công ty T đã ký khế ước nhận nợ (Lần 02/Số: EGV/21224-02) ngày 28/3/2022 với V với số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng (đến ngày 28/09/2022); lãi suất 20.8%/năm (tính theo năm với một năm là 365 ngày); lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/01 lần, tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14%/năm. Ngày 08/10/2022 Công ty T và V đã ký Phụ lục hợp đồng số 02, theo đó điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc đến ngày 28/09/2023; số nợ gốc được điều chỉnh là toàn bộ số nợ gốc khoản vay; lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo lãi suất quy định tại khế ước nhận nợ.

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lê Văn P theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/21224-001 ngày 29/4/2021; Khoản tín dụng cấp cho Công ty T không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty T để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho V. Do đó, từ ngày 15/12/2022 Công ty T phải chịu tiền lãi quá hạn, tính đến ngày 22/9/2023 thì Công ty T còn nợ V các khoản tiền sau: nợ gốc: 453.998.015 đồng; lãi trong hạn: 5.750.899 đồng; lãi chậm trả: 444.316 đồng và lãi quá hạn: 123.573.620 đồng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 453.998.015 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 22/9/2023 như trên, tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh từ ngày 23/9/2023 cho đến khi trả hết toàn bộ tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp bị đơn không trả theo yêu cầu nêu trên thì ông Lê Văn P có trách nhiệm trả toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

2. *Bị đơn:* Nguyên đơn đã thực hiện việc gửi toàn bộ hồ sơ khởi kiện cho bị đơn; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa.

4. *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, thời hạn giải quyết vụ án quá hạn theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, còn bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về pháp luật tố tụng dân sự:*

[2] Ngân hàng V khởi kiện tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là Công ty T. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về pháp luật nội dung:*

[5] Xét yêu cầu của V đòi Công ty T trả số tiền nợ gốc 453.998.015 đồng, tiền lãi trong hạn 5.750.899 đồng, tiền lãi chậm trả 444.316 đồng, tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/12/2022 tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/9/2023 là 123.573.620 đồng và tiền lãi quá hạn tiếp tục phát sinh từ ngày 23/9/2023 cho đến khi trả hết toàn bộ tiền nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[6] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/21224 ngày 29/4/2021 với hạn mức cho vay: 500.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng; mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Thực hiện hợp đồng trên thì Công ty T đã ký khế ước nhận nợ (Lần 02/Số: EGV/21224-02) ngày 28/3/2022 với V với số tiền nhận nợ là 500.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng (đến ngày 28/09/2022); lãi suất 20.8%/năm (tính theo năm với một năm là 365 ngày); lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/01 lần, tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14%/năm. Ngày 08/10/2022 Công ty T và V đã ký Phụ lục hợp đồng số 02, theo đó điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc đến ngày 28/09/2023; số nợ gốc được điều chỉnh là toàn bộ số nợ gốc khoản vay; lãi suất điều chỉnh kỳ hạn trả nợ theo lãi suất quy định tại khế ước nhận nợ. Khoản vay của Công ty T được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Lê Văn P theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/21224-001 ngày 29/4/2021.

[7] Theo bảng kê tính lãi của V thì tính đến ngày 07/12/2022 Công ty T đã thanh toán cho V số tiền nợ gốc: 46.001.985 đồng, tiền lãi: 68.314.562 đồng, sau đó bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn.

[8] Như vậy, V cấp tín dụng cho Công ty T là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên giao dịch có hiệu lực pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn đã chốt số tiền nợ gốc, chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ gốc 453.998.015 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

[9] Đối với việc nguyên đơn áp dụng lãi suất trong hạn từ ngày 28/3/2022 đến ngày 19/9/2022 với mức lãi suất 20,80%/năm; từ ngày 20/9/2022 đến ngày 14/12/2022 với mức lãi suất từ 21%/năm; từ ngày 15/12/2022 đến ngày 31/3/2023 với mức lãi suất từ 23,30% đến 24%/năm; từ ngày 01/4/2023 đến ngày 22/9/2023 với mức lãi suất 23,30% để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền lãi trong hạn 5.750.899 đồng và lãi chậm trả 444.316 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các bên.

[10] Đối với số tiền lãi quá hạn: tại điểm a khoản 3 Điều 2 của hợp đồng cho vay hạn mức hai bên thỏa thuận đến thời hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ mà bên vay vi phạm thì bên ngân hàng được quyền chuyển nợ quá hạn từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các kỳ trả nợ. Do bị đơn vi phạm kỳ hạn trả nợ gốc ngày 14/12/2022 nên việc nguyên đơn tính lãi suất quá hạn bằng 150%/năm lãi trong hạn, tính từ ngày 15/12/2022 đến ngày 22/9/2023 với số tiền 123.573.620 đồng là hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng cho vay hạn mức và khế ước nhận nợ, phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[11] Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc và tiền lãi ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp bị đơn không trả số tiền trên thì ông Lê Văn P có trách nhiệm trả toàn bộ khoản vay nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/21224-001 ngày 29/4/2021, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[12] Tại Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/21224-001 ngày 29/4/2021 được ký giữa bên bảo lãnh là ông Lê Văn P và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng V - Chi nhánh G, bên được bảo lãnh là Công ty T, theo hợp đồng bảo lãnh thì phạm vi bảo lãnh cơ bản là bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với nguyên đơn phát sinh từ Hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/21224 ngày 29/4/2021, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ, các văn bản liên quan của hợp đồng bảo lãnh và các văn kiện tín dụng khác được các bên thỏa thuận tại Điều 1 của hợp đồng bảo lãnh trên. Xét thấy các bên ký kết hợp đồng bảo lãnh nêu trên là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp với Điều 335 và Điều 336 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Do đó, trường hợp bị đơn không trả số tiền trên cho nguyên đơn thì ông P có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền mà bị đơn phải trả theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/21224-001 ngày 29/4/2021 là phù hợp với quy định tại Điều 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[13] Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ, nhưng không đến Tòa giải quyết vụ án

và cũng không có văn bản phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì trình bày của nguyên đơn được thừa nhận.

[14] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 22/9/2023 là 583.766.850 đồng. Bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc từ ngày 23/9/2023 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức, phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ.

[15] Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì ông Lê Văn P phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay cho Công ty T theo hợp đồng bảo lãnh đã ký giữa các bên.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[17] Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[18] Bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền 583.766.850 đồng nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, Điều 92, 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 1 và khoản 2 Điều 95, điểm a và điểm c khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 335, 336, 339 và Điều 342 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V:

Buộc Công ty T phải trả cho Ngân hàng V ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền là 583.766.850 đồng (Bằng chữ: năm trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm năm mươi đồng), trong đó bao gồm:

Số tiền gốc là 453.998.015 đồng (Bằng chữ: bốn trăm năm mươi ba triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, không trăm mười lăm đồng)).

Tiền lãi trong hạn: 5.750.899 đồng (Bằng chữ: năm triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, tám trăm chín mươi chín đồng);

Lãi chậm trả: 444.316 đồng (Bằng chữ: bốn trăm bốn mươi bốn nghìn, ba trăm mười sáu đồng);

Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15/12/2022 đến hết ngày 22/9/2023: 123.573.620 đồng (Bằng chữ: một trăm hai mươi ba triệu, năm trăm bảy mươi ba nghìn, sáu trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày 23/9/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số: EGV/21224 ngày 29/4/2021, Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 08/10/2022 và khế ước nhận nợ (Lần 02/Số: EGV/21224-02) ngày 28/3/2022.

Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì ông P phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền thay cho Công ty T theo Hợp đồng bảo lãnh số: EGV/21224-001 ngày 29/4/2021.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh, thương mại:

- Công ty T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 27.350.674 đồng (Bằng chữ: hai mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi bốn đồng).

- Ngân hàng V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 12.360.258 đồng (Bằng chữ: mười hai triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, hai trăm năm mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0036855 ngày 13/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng V có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ, (TK. Vân Anh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Khắc Dương

